

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN  
KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị*

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét*

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	3
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 39

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) đã được soát xét cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên
Ông Đinh Văn Hóa	Thành viên
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên
Ông Trần Việt Anh	Thành viên
Bà Bùi Thị Kim Tuyền	Trưởng BKS
Bà Trần Lâm Thúy Quyên	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Quyết	Giám đốc Tài chính – Kế toán trưởng

### 3. Các hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc;....

### 4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30/6/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 được trình bày từ trang 04 đến trang 39.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### 6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### 9. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Tập đoàn cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**VÕ TRƯỜNG THÀNH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Số: 119HN/BCSX - DFK

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) ngày 30/6/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2015 từ trang 04 đến trang 39 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN VĂN TUYẾN**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**HỒ ĐẮC HIẾU**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-042-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>3,346,130,025,129</b>	<b>3,119,354,973,963</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>141,550,959,360</b>	<b>85,895,452,344</b>
1. Tiền	111	V.01	101,452,137,454	48,975,452,344
2. Các khoản tương đương tiền	112		40,098,821,906	36,920,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>56,823,768,438</b>	<b>12,147,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.13.1	56,823,768,438	12,147,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>824,826,357,236</b>	<b>770,221,084,574</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	624,652,089,948	596,802,950,966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		92,716,694,529	72,166,880,512
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	48,420,016,000	47,941,064,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	80,717,562,489	74,407,958,611
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(27,323,588,337)	(26,741,352,122)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	5,643,582,607	5,643,582,607
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.06	<b>2,293,590,818,199</b>	<b>2,210,607,460,377</b>
1. Hàng tồn kho	141		2,304,219,389,798	2,221,027,492,659
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10,628,571,599)	(10,420,032,282)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29,338,121,896</b>	<b>40,483,976,668</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	3,078,980,692	1,780,084,194
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16,013,018,081	36,747,746,898
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	10,246,123,123	1,956,145,576
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>903,640,094,462</b>	<b>893,219,139,280</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>800,000,000</b>	<b>1,150,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	800,000,000	1,150,000,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>452,884,141,128</b>	<b>390,224,360,940</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	428,190,467,893	365,158,734,518
- Nguyên giá	222		634,649,480,795	556,475,248,069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206,459,012,902)	(191,316,513,551)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	24,693,673,235	25,065,626,422
- Nguyên giá	228		30,373,729,374	30,373,729,374
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5,680,056,139)	(5,308,102,952)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>203,520,651,355</b>	<b>269,568,365,261</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.10	161,402,844,298	154,636,214,406
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	42,117,807,057	114,932,150,855
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>161,189,401,800</b>	<b>167,451,608,838</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13.2	91,148,627,205	91,088,483,336
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13.2	61,534,784,766	59,184,784,766
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13.2	(229,590,171)	(104,239,264)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13.1	8,735,580,000	17,282,580,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>85,245,900,179</b>	<b>64,824,804,241</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	81,975,836,523	58,875,084,787
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3,270,063,656	5,949,719,454
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4,249,770,119,591</b>	<b>4,012,574,113,243</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	01/01/2015
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>2.866.535.088.857</b>	<b>2.762.099.347.514</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.799.950.826.972</b>	<b>2.628.798.074.217</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	218.168.482.862	206.920.358.256
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		70.933.463.839	60.714.944.058
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	116.092.940.595	99.704.786.770
4. Phải trả người lao động	314		26.298.290.838	32.528.473.144
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	119.920.726.225	173.549.327.932
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		152.101.982	47.545.455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	666.202.734.072	205.796.946.749
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	1.591.903.555.604	1.858.302.549.797
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(9.721.469.045)	(8.766.857.945)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>66.584.261.885</b>	<b>133.301.273.298</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.19	32.584.261.885	34.410.523.298
2. Phải trả dài hạn khác	337		1.000.000.000	1.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	33.000.000.000	97.890.750.000
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.20	<b>1.383.235.030.735</b>	<b>1.250.474.765.729</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.383.235.030.735</b>	<b>1.250.474.765.729</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.671.000.000	1.000.671.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.671.000.000	1.000.671.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.654.726.763	67.654.726.763
3. Cổ phiếu quỹ	415		(420.631.294)	(420.631.294)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.401.491.999	14.401.491.999
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8.963.110	8.963.110
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		203.368.231.364	73.629.558.321
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		73.629.558.321	3.009.610.786
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		129.738.673.043	70.619.947.535
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		97.551.248.793	94.529.656.830
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.249.770.119.591</b>	<b>4.012.574.113.243</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Đỗ Ngọc Nam  
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng



Ngày 28 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1.348.276.848.511	456.957.204.469
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		540.133.646	4.212.142.480
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>1.347.736.714.865</b>	<b>452.745.061.989</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.175.204.857.331	382.873.060.807
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>172.531.857.535</b>	<b>69.872.001.182</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	10.210.424.432	5.440.324.707
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	22.777.491.558	(14.447.761.624)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		82.319.881.269	87.663.292.374
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(678.810.431)	(1.006.270.508)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	11.981.111.188	8.492.746.314
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	50.968.183.042	47.592.035.319
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>96.336.685.746</b>	<b>32.669.035.372</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.07	88.498.350.443	2.782.126.355
13. Chi phí khác	32	VI.08	14.989.338.081	6.823.181.565
<b>14. Lợi nhuận khác / (lỗ)</b>	<b>40</b>		<b>73.509.012.362</b>	<b>(4.041.055.210)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>169.845.698.109</b>	<b>28.627.980.162</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	34.288.887.703	7.462.724.677
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.679.655.798	110.845.004
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>132.877.154.607</b>	<b>21.054.410.482</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		129.855.562.644	16.687.838.649
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.021.591.964	4.366.571.833
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.10	<b>1.233</b>	<b>227</b>
<b>22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	VI.11	<b>881</b>	<b>227</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Ngọc Nam  
 Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
 Kế toán trưởng



TRƯỜNG THÀNH  
 TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ  
 CÔNG TY CỔ PHẦN

Trưởng Thành  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>169.845.698.109</b>	<b>28.627.980.162</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	16.319.838.968	16.295.783.807
Các khoản dự phòng	03	916.126.439	(2.356.580.675)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.733.818.681)	8.432.876.637
Chi phí lãi vay	06	82.319.881.269	87.663.292.374
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>262.667.726.103</b>	<b>138.663.352.305</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(40.773.339.780)	(179.749.570.537)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(89.958.527.031)	(140.299.601.919)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(158.444.822.058)	113.942.601.216
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(24.399.648.234)	966.139.132
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.683.106.809)	(15.554.154.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(489.195.490)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	20.375.757
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(116.889.601)	(18.464.288)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(84.197.802.899)</b>	<b>(82.029.322.383)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.432.849.638)	(825.455.208)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.676.768.438)	(12.421.416.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	42.880.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.350.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.999.120.000	12.717.420.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.608.665.564	4.741.887.380
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(38.851.832.512)</b>	<b>47.092.436.172</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	172.667.850.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	875.144.124.246	311.225.078.534
Tiền trả nợ gốc vay	34	(869.106.831.818)	(268.288.650.887)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>178.705.142.428</b>	<b>42.936.427.647</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>55.655.507.016</b>	<b>7.999.541.436</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>85.895.452.344</b>	<b>65.513.443.900</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>141.550.959.360</b>	<b>73.512.985.336</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Đỗ Ngọc Nam  
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 13/01/2015 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation. Tên viết tắt: TTFC.

Trụ sở chính đặt tại: Đường ĐT747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Chi nhánh: 98 Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP HCM

Chi nhánh: Đường ĐT 743, khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Đại lý ký gửi hàng hóa; Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn sản phẩm nông lâm sản; Bán buôn phân bón.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động trồng rừng: trên 12 tháng

- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 14 Công ty.

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 14 Công ty.

- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Công ty con trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn theo ĐKKD	Tỷ lệ góp vốn thực tế
Công ty CP Trường Thành (Đaklak 1)	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	30,000,000,000	70.00%	70.00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đaklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	28,000,000,000	70.00%	70.00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	KP 7, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126,239,000,000	64.16%	64.16%
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56,470,000,000	51.00%	100.00%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60,000,000,000	99.33%	99.97%
Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành (*)	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53,191,490,000	41.00%	46.07%
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40,000,000,000	60.00%	60.00%
Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	60.00%	99.99%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25,000,000,000	45.60%	97.50%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk nông	60,000,000,000	96.00%	99.44%
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	50,000,000,000	97.90%	94.75%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đăk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	10,000,000,000	0.00%	95.30%

(\*) Tỷ lệ quyền biểu quyết trên 50%

### Công ty con gián tiếp

Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	97.50%
Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krông Păk, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	51.55%

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn theo ĐKKD	Tỷ lệ góp vốn thực tế
Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6,500,000,000	23.08%	43.76%
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51.00%	51.00%

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. **Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Cho năm tài chính 2015, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. **Hợp nhất báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các Công ty con ("Tập đoàn") cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

### 3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

### 4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

#### Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### **Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

### Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc thiết bị	04 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Phần mềm	03 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

## 9. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### 10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phân ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

### 11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ là:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### 16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia** của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### 20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hàng mẫu, chi phí bao bì, đóng gói, chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho, chi phí nhân viên,...

#### Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

### 21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty CP Nông Lâm Công nghiệp Trường An được hưởng thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành - Phước An được hưởng thuế suất là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty CP Trường Thành Xanh (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP TM XNK Trường Thành Đắk Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrăk được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Tập đoàn ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

## 22. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền		30/6/2015	01/01/2015
Tiền mặt		1,263,813,676	590,687,146
Tiền gửi ngân hàng	(1.1)	100,188,323,778	47,408,460,198
Tiền đang chuyển		-	976,305,000
Các khoản tương đương tiền	(1.2)	40,098,821,906	36,920,000,000
<b>Cộng</b>		<b>141,550,959,360</b>	<b>85,895,452,344</b>
<b>(1.1) Bao gồm:</b>			
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	(*)	95,937,714,137	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (194,540.16 USD)		4,235,945,034	
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (604.34 EUR)		14,664,606	
<b>Cộng</b>		<b>100,188,323,778</b>	

(\*) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền 40 tỷ đồng đang được Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (VIB) giữ tại tài khoản phong tỏa để hoàn tất các thủ tục thu hồi nợ tương ứng.

(1.2) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Phải thu của khách hàng	30/6/2015	01/01/2015
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- AHL	139,695,448,817	136,144,935,956
- PIR	64,594,703,145	44,006,831,564
- LAPGF	62,035,715,649	53,420,720,275
- ALR	41,139,373,604	17,253,983,276
- Công ty TNHH Lâm Nghiệp Trường Vũ	40,536,075,000	40,536,075,000
- Công ty TNHH Tịnh Tiến Đắk Nông	31,473,029,754	-
- Các khách hàng khác	245,177,743,979	305,440,404,896
<b>Cộng</b>	<b>(*) 624,652,089,948</b>	<b>596,802,950,966</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là 18,061,250.23 USD tương đương 391.615.374.292 đồng.

### 3. Phải thu khác

a) Ngắn hạn	30/6/2015	01/01/2015
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	4,804,685,019	3,505,685,442
- Phải thu liên quan đến tiền cho mượn đến các tổ chức và cá nhân	16,338,821,894	13,226,937,773
- Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát	23,417,675,770	23,417,675,770
- Phải thu liên quan đến tiền cho mượn đến các bên liên quan	11,957,855,619	7,921,069,324
- Phải thu khoản thuế GTGT tương ứng doanh thu chưa xuất hóa đơn	3,029,579,895	2,651,469,848
- Phải thu nhân viên liên quan đến khoản bồi thường thiệt hại	-	1,227,194,893
- Phải thu liên quan đến các khoản xuất nguyên liệu, vật tư cho công trình chưa quyết toán	2,792,554,331	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	1,339,411,408	4,160,420,845
- Các khoản tạm ứng	10,201,910,814	12,701,485,341
- Phải thu khác	6,835,067,740	5,596,019,375
<b>Cộng</b>	<b>80,717,562,489</b>	<b>74,407,958,611</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	800,000,000	1,150,000,000
<b>Cộng</b>	<b>800,000,000</b>	<b>1,150,000,000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>4. Phải thu về cho vay</b>	30/6/2015	01/01/2015
<b>Ngắn hạn</b>		
- Ông Phạm Thừa Tự	280,000,000	280,000,000
- Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương	300,000,000	300,000,000
- Công ty TNHH XD Đồng Long	5,012,576,000	5,048,576,000
- Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji (1,091,000.00 USD)	23,827,440,000	23,312,488,000
- Công ty Cổ phần Quản lý Cụm CN Trường Thành - Ea H'leo	19,000,000,000	19,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>48,420,016,000</b>	<b>47,941,064,000</b>
<b>5. Tài sản thiếu chờ xử lý</b>	30/6/2015	01/01/2015
- Giá trị diện tích rừng chết tại huyện Sông Hinh và huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên chờ xử lý	5,642,997,585	5,642,997,585
- Tài sản thiếu chờ xử lý khác	585,022	585,022
<b>Cộng</b>	<b>5,643,582,607</b>	<b>5,643,582,607</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	30/6/2015	01/01/2015
- Hàng đang đi trên đường	962,918,384	3,799,985,585
- Nguyên vật liệu, phụ liệu	1,361,149,428,933	1,331,707,466,061
- Công cụ, dụng cụ	1,210,503,196	1,109,718,210
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	697,520,629,269	673,769,631,644
- Thành phẩm	117,507,664,781	91,268,009,999
- Hàng hóa	32,981,560,551	104,224,388,571
- Hàng gửi bán	92,886,684,684	15,148,292,589
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10,628,571,599)	(10,420,032,282)
<b>Cộng</b>	<b>2,293,590,818,199</b>	<b>2,210,607,460,377</b>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối kỳ (30/6/2015) đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

7. Nợ xấu

30/6/2015

01/01/2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng - 1 năm	223,827,600		- Đối tượng khác	948,536,891		- Đối tượng khác
	1,439,519,236		- Tesco International	1,439,519,236		- Tesco International
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm	134,480,400		- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam	134,480,400		- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam
	1,794,102,663		- Đối tượng khác	1,576,669,741		- Đối tượng khác
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm	1,377,496,950		- Công ty TNHH Ngọc Nguyễn	1,377,496,950		- Công ty TNHH Ngọc Nguyễn
	383,126,497		- Đối tượng khác	383,126,497		- Đối tượng khác
	23,417,675,770	15,724,628,387	Công ty TNHH XD&TM Tân Phát	23,417,675,770	15,837,572,704	Công ty TNHH XD&TM Tân Phát
- Công nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	4,215,042,469		- Công ty AHL	4,215,042,469		- Công ty AHL
	3,515,516,126		- Công ty WS	3,515,516,126		- Công ty WS
	8,621,521,719		- Đối tượng khác	8,780,393,747	267,412,061	Đối tượng khác
<b>Cộng</b>	<b>45,122,309,430</b>	<b>15,724,628,387</b>		<b>45,788,457,827</b>	<b>16,104,984,765</b>	

**Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn:**

Số dư đầu năm	(26,741,352,122)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(816,149,002)
Giảm	233,912,787
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(27,323,588,337)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	248,185,611,572	280,110,217,619	23,447,610,737	4,731,808,141	556,475,248,069
Tăng	74,956,171,385	3,158,210,971	1,132,811,080	-	79,247,193,436
Giảm	30,389,050	-	919,078,381	123,493,279	1,072,960,710
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>323,111,393,907</b>	<b>283,268,428,590</b>	<b>23,661,343,436</b>	<b>4,608,314,862</b>	<b>634,649,480,795</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	79,207,684,468	93,338,661,535	15,077,055,965	3,693,111,583	191,316,513,551
Khấu hao trong kỳ	5,703,750,876	8,743,061,218	1,302,486,443	198,587,244	15,947,885,782
Giảm	30,389,050	-	651,504,102	123,493,279	805,386,431
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>84,881,046,294</b>	<b>102,081,722,753</b>	<b>15,728,038,306</b>	<b>3,768,205,549</b>	<b>206,459,012,902</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	168,977,927,104	186,771,556,084	8,370,554,772	1,038,696,558	365,158,734,518
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>238,230,347,613</b>	<b>181,186,705,837</b>	<b>7,933,305,130</b>	<b>840,109,313</b>	<b>428,190,467,893</b>

TSCĐ tăng trong kỳ do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang: giảm do thanh lý, nhượng bán.

Tài sản cố định đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

### 9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	24,214,632,000	6,159,097,374	30,373,729,374
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>24,214,632,000</b>	<b>6,159,097,374</b>	<b>30,373,729,374</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2,920,560,743	2,387,542,209	5,308,102,952
Tăng	210,280,374	161,672,813	371,953,187
Giảm	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3,130,841,117</b>	<b>2,549,215,022</b>	<b>5,680,056,139</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	21,294,071,257	3,771,555,165	25,065,626,422
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>21,083,790,883</b>	<b>3,609,882,352</b>	<b>24,693,673,235</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
- Quyền sử dụng đất số T00405: tọa lạc tại phường Thống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuộc, Đắk Lắk	175	lâu dài	5,256,000,000
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRal, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk	14,884	lâu dài	1,458,632,000
- Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	3,770,000	42 năm từ năm 2008 đến năm 2049	17,500,000,000
<b>Cộng</b>			<b>24,214,632,000</b>

Tính đến ngày 30/6/2015, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Tập đoàn đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	30/6/2015	01/01/2015
- Chi phí trồng rừng	<b>161,402,844,298</b>	<b>154,636,214,406</b>
<b>11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	30/6/2015	01/01/2015
- Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	(*) 32,500,000,000	32,500,000,000
- Chi phí xây dựng 02 nhà kho theo hợp đồng HĐ03/10:HĐXD-TTBD1 ngày 04/12/2010	179,604,391	37,482,166,672
- Chi phí sửa chữa showroom Hà Nội	1,148,413,760	-
- Lô đất (250 m <sup>2</sup> ) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk	843,700,000	843,700,000
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, đường nội bộ,... chưa hoàn thành	3,933,647,791	36,037,016,572
- Chi phí xây dựng và mua sắm tài sản khác	3,512,441,115	8,069,267,611
<b>Cộng</b>	<b>42,117,807,057</b>	<b>114,932,150,855</b>

(\*): Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 77, 78, 79 và 80 có tổng diện tích là 10.320 m<sup>2</sup> thuộc tờ khai bản đồ số 11 tọa lạc tại xã Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương từ Ông Phạm Hoài Nam theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 07/01/2008 với tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 33,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2014, Công ty đã chuyển cho Ông Phạm Hoài Nam tổng số tiền là 32,5 tỷ đồng nhưng Ông Phạm Hoài Nam vẫn chưa tiến hành làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nêu trên cho Công ty. Theo Thỏa thuận chi bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất số 01-2014/TTBT-TTF ngày 19/7/2014, Công ty sẽ chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất này (Thuyết minh tại VII.1).



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>12. Chi phí trả trước</b>	30/6/2015	01/01/2015
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,426,763,926	832,947,245
- Chi phí bảo hiểm trả trước chờ phân bổ	1,645,377,107	732,852,500
- Chi phí chờ phân bổ khác	6,839,659	214,284,449
<b>Cộng</b>	<b>3,078,980,692</b>	<b>1,780,084,194</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ	5,824,239,105	4,846,065,744
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	407,162,758	494,420,947
- Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ	(*) 75,441,055,006	53,234,306,288
- Phí đánh giá tác động môi trường	288,346,866	288,346,866
- Chi phí chờ phân bổ khác	15,032,788	11,944,942
<b>Cộng</b>	<b>81,975,836,523</b>	<b>58,875,084,787</b>

(\*) Bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTD-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 18.282.378.026 đồng.

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 004/HĐTD-CCN ngày 08/12/2011 ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 29.002,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A16 thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trong vòng 50 năm. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 23.269.893.084 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 2.317.246.065 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 55 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với diện tích là 120.478,5 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến tháng 6 năm 2054. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 31.014.542.364 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk đến tháng 8/2059. Giá trị còn lại tại 30/6/2015 là 452.718.096 đồng.

- Khoản chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng để nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm tại thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2015 là 328.811.285 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 13. Các khoản đầu tư tài chính

13.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	56,823,768,438	56,823,768,438	12,147,000,000	12,147,000,000
<b>Dài hạn</b>				
- Các khoản đầu tư khác (*)	8,735,580,000	8,735,580,000	17,282,580,000	17,282,580,000

(\*) Trong thời kỳ tài chính này, Công ty đã thoái một phần vốn tại Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt và thu về lợi nhuận là 3.452.120.000 đồng. Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 30/6/2015 của khoản đầu tư này đang được phong tỏa.

### 13.2 Đầu tư góp vốn

#### (a) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế đến 30/6/2015
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	7,018,000.00 USD	51%	(*)	94,930,473,000
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6,500,000,000	23%	1,500,000,000	2,000,000,000
<b>Cộng</b>				<b>96,930,473,000</b>
<i>Khoản tổn thất phát sinh tại Công ty liên kết, liên doanh</i>				(5,781,845,795)
<b>Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh</b>				<b>91,148,627,205</b>

(\*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty CP Tập đoàn OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 170,400.00 USD bằng tiền, 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.520,06 ha rừng trồng trị giá 947,520.00 USD.

#### (b) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

Các khoản đầu tư vào	Số lượng cp	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng	Giá trị thuần
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28,960	279,784,766	-	279,784,766
Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	52,680,000,000	-	52,680,000,000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5,550,000	5,550,000,000	(104,239,264)	5,445,760,736
Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành	302,500	3,025,000,000	(125,350,907)	2,899,649,093
<b>Cộng</b>		<b>61,534,784,766</b>	<b>(229,590,171)</b>	<b>61,305,194,595</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

14. Phải trả người bán	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Trường Vũ	49,724,842,713	49,724,842,713	49,724,842,713	49,724,842,713
- Công ty TNHH Tịnh Tiến ĐakNông	34,201,917,577	34,201,917,577	-	-
- Công ty TNHH TM và DV Lâm nghiệp Minh Hoàng	20,110,852,558	20,110,852,558	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC	7,759,819,408	7,759,819,408	-	-
- Công ty TNHH SX TM Hóa Keo Bình Thạnh	3,064,360,409	3,064,360,409	4,466,155,380	4,466,155,380
- Hợp Tác Xã An Tiếp	2,991,239,125	2,991,239,125	2,066,291,908	2,066,291,908
- Công ty TNHH Phúc Lợi Khang	2,875,287,800	2,875,287,800	5,419,107,050	5,419,107,050
- Công ty CP Vũ Tuấn	-	-	5,133,971,100	5,133,971,100
- Công Ty TNHH Lâm Nghiệp & Thương Mại Nguyên Thành Phát	-	-	4,415,293,619	4,415,293,619
- Phải trả cho các đối tượng khác	97,440,163,272	97,440,163,272	135,694,696,486	135,694,696,486
<b>Cộng</b>	<b>218,168,482,862</b>	<b>218,168,482,862</b>	<b>206,920,358,256</b>	<b>206,920,358,256</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a) Phải nộp	30/6/2015	01/01/2015
- Thuế GTGT	48,745,510,958	67,007,163,337
- Thuế TNDN	62,364,269,995	28,564,577,782
- Thuế TNCN	4,170,516,649	3,766,236,019
- Tiền thuê đất	683,537,400	-
- Thuế khác	129,105,593	366,809,632
<b>Cộng</b>	<b>116,092,940,595</b>	<b>99,704,786,770</b>

### b) Phải thu

- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47,355,000	11,237,496
- Thuế nhập khẩu	1,382,669,742	1,944,908,080
- Thuế GTGT đề nghị hoàn	8,816,098,381	-
<b>Cộng</b>	<b>10,246,123,123</b>	<b>1,956,145,576</b>

### 16. Chi phí phải trả

	30/6/2015	01/01/2015
- Chi phí lãi vay còn phải trả bằng VND	86,630,893,247	134,595,277,086
- Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ	21,704,905,840	28,765,580,232
- Tiền thuê đất còn phải trả	2,525,951,912	-
- Chi phí khai thác rừng Quảng Khuê phải trả	6,832,878,500	8,141,878,500
- Chi phí phải trả khác	2,226,096,727	2,046,592,114
<b>Cộng</b>	<b>119,920,726,226</b>	<b>173,549,327,932</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	30/6/2015	01/01/2015
<b>17. Phải trả khác</b>		
- Tài sản thừa chờ xử lý	1,062,637,126	973,244,368
- Kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm bắt buộc và lãi chậm nộp bảo hiểm còn phải nộp, chậm nộp thuế	98,950,447,923	86,847,160,488
- Phải trả liên quan đến khoản tiền mượn thanh toán	34,972,270,838	-
- Phải trả liên quan đến gỗ khai thác nhập dư chưa quyết toán	6,553,408,044	-
- Cổ tức còn phải trả	841,770,500	963,790,800
- Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	15,465,167,060	111,175,063,690
- Phải trả Công ty TNHH TM và XD DLC liên quan đến khoản nhận vốn góp hợp tác kinh doanh (Thuyết minh VII.1)	27,985,714,640	-
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	1,933,973,622	2,440,973,622
- Phải trả liên quan đến khoản nhận tiền mua cổ phần phát hành thêm từ các cổ đông (Thuyết minh tại VII.3)	172,667,850,000	-
- Phải trả lợi nhuận hợp tác cho Công ty DLC (Thuyết minh VII.1)	1,026,011,561	-
- Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (*)	80,460,974,939	-
- Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Việt Á (**)	104,991,677,872	-
- Phải trả Công ty CP Vận tải Vũ Thành (thuyết minh VI.7)	113,490,000,000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,800,829,948	3,396,713,782
<b>Cộng</b>	<b>666,202,734,072</b>	<b>205,796,946,749</b>

(\*) Phải trả Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC) theo hợp đồng mua bán nợ giữa DATC với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương (nợ gốc 31.285.955.600 VND và 205,881.55 USD) đối với khoản nợ tại Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành; và với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Đắk Lắk (nợ gốc là 35.000.000.000 đồng và nợ lãi là 9.700.183.850 đồng) đối với khoản nợ tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2) về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản nợ phải thu này.

(\*\*) Phải trả Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng - TMCP Việt Á theo hợp đồng mua bán nợ giữa Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng - TMCP Việt Á và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đắk Lắk đối với khoản nợ tại Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (nợ gốc 21.490.750.000 đồng); Công ty Cổ phần VLXD Trường Thành - Phước An (nợ gốc 8.701.850.000 đồng, nợ lãi 5.295.780.926 đồng) và tại Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành (nợ gốc 52.400.000.000 đồng, nợ lãi 17.103.296.946 đồng) về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản nợ phải thu này.

	30/6/2015	01/01/2015
<b>18. Vay và nợ thuê tài chính</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng (*)	1,545,223,350,584	1,797,774,494,777
- Vay từ các Tổ chức (**)	38,536,205,020	38,936,205,020
- Vay từ các Cá nhân	300,000,000	300,000,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (b*)	7,844,000,000	21,291,850,000
<b>Cộng</b>	<b>1,591,903,555,604</b>	<b>1,858,302,549,797</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 30/6/2015	USD	Tương đương VND
Vay bằng VND		968,831,888,101
Vay bằng USD	26,391,550.48	576,391,462,483
<b>Cộng</b>		<b>1,545,223,350,584</b>

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành và các cá nhân khác, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 30/6/2015, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 7% đến 9%/năm đối với khoản vay bằng VND và dao động từ 2,5% đến 5%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).

(**) Vay từ các tổ chức	30/6/2015	01/01/2015
- Công ty CP Phú Hữu Gia	33,645,205,020	33,645,205,020
- Công ty CP Vận tải Vũ Thành	-	4,000,000,000
- Công ty Vũ Tuấn	4,591,000,000	991,000,000
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	300,000,000	300,000,000
<b>Cộng</b>	<b>38,536,205,020</b>	<b>38,936,205,020</b>

b) Dài hạn	30/6/2015	01/01/2015
- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	78,338,600,000
- NH TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương	40,000,000,000	40,000,000,000
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Buôn Mê Thuột	844,000,000	844,000,000
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>40,844,000,000</b>	<b>119,182,600,000</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(7,844,000,000)	(21,291,850,000)
<b>Cộng</b>	<b>33,000,000,000</b>	<b>97,890,750,000.00</b>

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương** theo hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 2048/14/HĐTD/0100-2674 ngày 10/12/2014 với số tiền vay là 40 tỷ đồng. Mục đích vay: đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, sửa chữa nhà xưởng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 30/6/2015 là 10,89%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Nguyên liệu gỗ Teak và thành phẩm tồn kho theo Hợp đồng cầm cố hàng hóa số 2047/14/HĐCC-HH/0100/2674 ngày 10/12/2014 với tổng giá trị là 144.397.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **40.000.000.000 đồng**, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 7 tỷ đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tp. Buôn Ma Thuột** theo hợp đồng tín dụng số LAV201000226 ngày 03/02/2010 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: xây dựng văn phòng, nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh và vườn ươm cây giống lâm nghiệp. Lãi suất vay tại ngày 30/6/2015: 11,5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2015 là **844.000.000 đồng**, đã quá hạn thanh toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>19. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>	30/6/2015	01/01/2015
- Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp và phần chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	32,584,261,886	34,410,523,298
<b>Cộng</b>	<b>32,584,261,886</b>	<b>34,410,523,297.96</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	735,000,000,000	265,671,000,000	-	1,000,671,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	99,062,086,763	-	31,407,360,000	67,654,726,763
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Các quỹ	14,271,600,799	138,854,310	-	14,410,455,109
LNST chưa phân phối	3,405,797,956	70,619,947,535	396,187,171	73,629,558,321
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	96,270,554,844	(3,435,898,015)	(1,694,999,999)	94,529,656,829
<b>Cộng</b>	<b>947,589,409,069</b>	<b>332,993,903,830</b>	<b>30,108,547,172</b>	<b>1,250,474,765,728</b>

	01/01/2015	Tăng	Giảm	30/6/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	1,000,671,000,000	-	-	1,000,671,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	67,654,726,763	-	-	67,654,726,763
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Các quỹ	14,410,455,109	-	-	14,410,455,109
LNST chưa phân phối	73,629,558,321	129,855,562,644	116,889,601	203,368,231,364
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	94,529,656,830	3,021,591,964	-	97,551,248,793
<b>Cộng</b>	<b>1,250,474,765,728</b>	<b>132,877,154,607</b>	<b>116,889,601</b>	<b>1,383,235,030,735</b>

<b>b) Cổ phiếu</b>	30/6/2015	01/01/2015
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100,067,100	100,067,100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100,067,100	100,067,100
+ Cổ phiếu phổ thông	100,067,100	100,067,100
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(16,564)	(16,564)
+ Cổ phiếu phổ thông	(16,564)	(16,564)
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100,050,536	100,050,536
+ Cổ phiếu phổ thông	100,050,536	100,050,536
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

<b>c) Các quỹ của doanh nghiệp:</b>	30/6/2015	01/01/2015
- Quỹ đầu tư phát triển (*)	14,401,491,999	14,401,491,999
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8,963,110	8,963,110
<b>Cộng</b>	<b>14,410,455,109</b>	<b>14,410,455,109</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(\*) Quỹ đầu tư phát triển đầu kỳ đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (10.633.606.960 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (3.767.885.040 đồng).

d) Lợi nhuận chưa phân phối giảm do chi mua quà và một phần tiền lương tháng 13/2014 phát sinh tại Công ty con.

### 21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại:	30/6/2015	01/01/2015
- USD	194,540.16	27,233.45
- EUR	604.34	616.29
	<u>30/6/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Nợ khó đòi đã xử lý:	2,687,182,707	2,687,182,707

### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 (thời kỳ này)	Từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2014 (thời kỳ trước)
<b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1,265,702,335,030	379,695,815,717
- Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	1,567,024,613	562,560,105
- Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	61,625,008,016	55,191,335,872
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (phí xuất khẩu, cho thuê mặt bằng, gia công...)	19,382,480,852	21,507,492,775
<b>Cộng</b>	<u><b>1,348,276,848,511</b></u>	<u><b>456,957,204,469</b></u>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	1,116,828,151,010	345,487,407,714
- Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	1,567,024,613	562,560,105
- Giá vốn các hợp đồng thi công công trình	45,362,287,560	28,607,549,425
- Giá vốn dịch vụ	11,789,275,907	7,271,035,512
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(341,881,759)	944,508,051
<b>Cộng</b>	<u><b>1,175,204,857,331</b></u>	<u><b>382,873,060,807</b></u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	3,907,665,141	3,021,681,871
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1,024,377,878	591,698,734
- Lãi liên quan đến việc thoái một phần vốn vào Quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	3,452,120,000	-
- Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong kỳ	1,826,261,412	1,826,261,412
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	682,690
<b>Cộng</b>	<b>10,210,424,431</b>	<b>5,440,324,707</b>

4. Chi phí tài chính	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí lãi vay	82,319,881,269	87,663,292,374
- Chi phí lãi vay được xóa	(*) (72,562,570,969)	(106,984,606,435)
- Lãi trả chậm thanh toán, chiết khấu thanh toán	-	259,905,723
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	11,260,312,232	5,438,017,273
- Lỗ từ việc bán cổ phiếu Công ty CP Sông Hậu	-	10,448,288,000
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	125,350,907	(12,226,720,000)
- Phân chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh với DLC	1,026,011,561	-
- Phí ngân hàng	573,381,630	648,797,431
- Chi phí tài chính khác	35,124,928	305,264,010
<b>Cộng</b>	<b>22,777,491,558</b>	<b>(14,447,761,624)</b>

(\*) Chi phí lãi vay được xóa đối với khoản vay từ Công ty CP Phú Hữu Gia theo là 7.324.264.563 đồng và lãi vay ngân hàng được xóa từ Công ty CP Vận tải Vũ Thành (Thuyết minh VI.7) là 65.238.306.406 đồng.

5. Chi phí bán hàng	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí nhân viên	3,255,016,970	1,741,127,983
- Chi phí vật liệu bao bì	5,087,425	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8,287,716	8,821,046
- Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	2,139,074,216	830,975,347
- Chi phí xuất hàng	3,236,466,911	1,997,726,939
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,505,614,831	1,849,536,166
- Chi phí bằng tiền khác	1,831,563,119	2,064,558,833
<b>Cộng</b>	<b>11,981,111,188</b>	<b>8,492,746,314</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí nhân viên quản lý	35,213,106,472	27,850,156,376
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	912,538,994	1,010,954,826
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1,569,690,940	1,379,508,557
- Thuế, phí và lệ phí	2,540,808,580	2,145,819,541
- Chi phí dự phòng	473,291,898	8,904,448,417
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,365,025,643	2,401,171,377
- Chi phí bằng tiền khác	5,893,720,515	3,899,976,225
<b>Cộng</b>	<b>50,968,183,042</b>	<b>47,592,035,319</b>

7. Thu nhập khác	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	52,843,971	153,470,181
- Thu nhập do bán phế liệu, công cụ dụng cụ	63,493,213	116,018,182
- Thu phí lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,...	279,750,000	913,805,029
- Thu nhập do phạt vi phạm	513,710,966	295,774,294
- Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản phải trả	-	361,909,497
- Thu nhập từ việc chi hộ	-	660,909,092
- Thu nhập từ nhận bồi thường	647,679,741	280,240,080
- Thu nhập từ nợ gốc vay được xóa (*)	86,358,568,962	-
- Thu nhập khác	582,303,590	-
<b>Cộng</b>	<b>88,498,350,443</b>	<b>2,782,126,355</b>

(\*) Theo biên bản thỏa thuận số 01-2015/BBTT/TTF-VTC ngày 18/6/2015 giữa Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và Công ty CP Vận tải Vũ Thành (VTC), thì sau khi VTC mua lại khoản nợ của Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và hai công ty con là Công ty CP Trường Thành (DL1) và Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2) từ DATC, thì VTC sẽ xóa toàn bộ dư nợ lãi là 65.238.306.406 đồng bao gồm 48.269.919.334 đồng và 776,940.80 USD cũng như xóa một phần nợ gốc tương ứng là 86.358.568.962 đồng. Vào ngày 30/6/2015, VTC đã có công văn số 01-15/CV/VTC-TTF về việc thông báo xóa lãi và giảm nợ gốc cho Tập đoàn với số liệu như trên.

8. Chi phí khác	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
- Chi phí phạt	2,368,600,696	-
- Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	9,485,492,358	3,212,856,302
- Chi phí liên quan đến việc cho thuê mặt bằng,...	227,960,128	-
- Xử lý công nợ	7,814,993	230,684,805
- Thủ lao HĐQT và BKS	414,000,000	-
- Chi phí thiệt hại do cháy rừng	1,272,768,442	719,844,173
- Chi phí từ việc chi hộ	-	660,909,910
- Chi phí khác	1,212,701,464	1,998,886,375
<b>Cộng</b>	<b>14,989,338,080</b>	<b>6,823,181,565</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Thời kỳ này	Thời kỳ trước
<b>9. Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại</b>		
- Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	32,544,490,899	3,294,308,302
- Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Thủ Đức	28,651,961	-
- Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	68,084,488	87,816,870
- Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (BD2)	1,647,660,355	3,230,738,411
- Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành	-	849,861,093
<b>Cộng</b>	<b><u>34,288,887,703</u></b>	<b><u>7,462,724,677</u></b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>132,877,154,607</b>	<b>21,054,410,482</b>
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	3,021,591,964	4,366,571,833
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	129,855,562,644	16,687,838,649
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6,492,778,132)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	123,362,784,512	16,687,838,649
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100,050,536	73,483,436
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1,233</u></b>	<b><u>227</u></b>
(*) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính dựa trên 5% lợi nhuận sau thuế.		
<b>11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	123,362,784,512	16,687,838,649
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	123,362,784,512	16,687,838,649
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100,050,536	73,483,436
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	40,026,840	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	140,077,376	73,483,436
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>881</u></b>	<b><u>227</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### VII. Những thông tin khác

#### 1. Các cam kết

- Theo thỏa thuận chi bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất số 01-2014/TTBT-TTF ngày 19/7/2014 giữa Công ty và Công ty CP Địa ốc Đại Á, Công ty sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu đất 10.320 m<sup>2</sup> thuộc Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương với tổng giá trị là 22 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT) (Thuyết minh tại mục V.11).

- Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐKT/TTF-DLC ngày 20/4/2015 giữa Công ty và Công ty TNHH TM và XD DLC, hai bên cùng góp vốn hợp tác kinh doanh sản xuất hàng ngoại thất xuất khẩu số: TTF-CPS 01/15 OUT ký ngày 10/4/2015 giữa Công ty và CPS với giá trị hợp đồng là 3,519,149.40 USD. Theo đó, Công ty TNHH TM và XD DLC sẽ góp bằng tiền là 66.389.721.197 đồng và được hưởng lợi nhuận cố định là 5 tỷ đồng dù hợp đồng thực hiện có lãi hoặc lỗ.

- Công ty cam kết trả nợ thay các khoản vay của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An đến Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN ĐakLak trong trường hợp Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An không đủ khả năng thanh toán các khoản vay đã vay từ Ngân hàng này theo hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008.

- Công ty đang được Công ty CP Trồng rừng Trường Thành thế chấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 848,934 ha rừng trồng tại Huyện Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận với giá trị theo thỏa thuận định giá là 97.500.000.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:

- Theo hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 1.000 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 1.200 ha đất rừng sản xuất và góp không quá 10% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu từ nguồn thu chi tiêu khai thác gỗ tự nhiên của BQLDA nếu có (số vốn góp này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 10% lợi nhuận, 90% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

- Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'DRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Drak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Drak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Drak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trông chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tía thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Drak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.

- Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Drak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu kỳ sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tía thưa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Báo cáo Bộ Phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Chế biến gỗ
- Trồng rừng
- Khác

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
<b>Doanh thu thuần</b>										
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	1,243,036	434,953	904	793	103,796	17,000	-	-	1,347,736	452,745
<i>Giữa các bộ phận</i>	1,390,415	963,896	523	10,254	213,891	-	(1,604,829)	(974,150)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,633,451</b>	<b>1,398,849</b>	<b>1,427</b>	<b>11,047</b>	<b>317,687</b>	<b>17,000</b>	<b>(1,604,829)</b>	<b>(974,150)</b>	<b>1,347,737</b>	<b>452,745</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	156,473	68,661	227	(1,497)	8,167	3,107	7,665	(399)	172,532	69,872
Chi phí không phân bổ	61,169	54,837	1,091	1,057	843	997	(154)	(807)	62,949	56,085
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	95,304	13,824	(864)	(2,554)	7,324	2,110	7,819	408	109,583	13,787
<i>Thu nhập tài chính</i>	10,082	4,102	3,426	3,275	2	1	(3,300)	(1,937)	10,210	5,440
<i>Chi phí tài chính</i>	16,462	(15,710)	3,726	3,477	1,719	1,446	871	(3,661)	22,777	(14,448)
<i>Lợi nhuận khác</i>	75,632	(1,850)	(689)	(1,055)	(775)	(782)	(659)	(354)	73,509	(4,041)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	(847)	(865)	169	(142)	-	-	(679)	(1,006)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34,365	7,467	-	-	-	-	2,604	106	36,969	7,574
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>130,192</b>	<b>24,318</b>	<b>(2,699)</b>	<b>(4,676)</b>	<b>5,000</b>	<b>(260)</b>	<b>385</b>	<b>1,673</b>	<b>132,877</b>	<b>21,054</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	3,502	5,327	(826)	(1,170)	345	209	-	-	3,022	4,367
<b>Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>126,690</b>	<b>18,991</b>	<b>(1,874)</b>	<b>(3,506)</b>	<b>4,655</b>	<b>(469)</b>	<b>385</b>	<b>1,673</b>	<b>129,856</b>	<b>16,688</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Đơn vị tính: triệu đồng									
	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015
<b>Các thông tin khác</b>										
Tài sản của bộ phận	5,072,216	5,010,700	231,249	228,658	286,388	193,649	(1,343,353)	(1,426,383)	4,246,500	4,006,624
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	790	866	-	-	-	-	2,480	5,084	3,270	5,950
Tài sản không phân bổ										
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5,073,007</b>	<b>5,011,566</b>	<b>231,249</b>	<b>228,658</b>	<b>286,388</b>	<b>193,649</b>	<b>(1,340,873)</b>	<b>(1,421,300)</b>	<b>4,249,770</b>	<b>4,012,574</b>
Nợ phải trả của bộ phận	3,510,798	3,581,872	105,721	101,278	227,887	139,979	(977,871)	(1,061,030)	2,866,535	2,762,099
Nợ phải trả không phân bổ										
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3,510,798</b>	<b>3,581,872</b>	<b>105,721</b>	<b>101,278</b>	<b>227,887</b>	<b>139,979</b>	<b>(977,871)</b>	<b>(1,061,030)</b>	<b>2,866,535</b>	<b>2,762,099</b>
Chi mua sắm tài sản	63,958	6,898	11,235	17,500	3,862	-	192	-	79,247	18,391
Chi phí khấu hao	12,716	30,900	3,252	3,494	412	495	(60)	149	16,320	35,841

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

Đơn vị tính: triệu đồng

	Bình Dương		Đăk Lăk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
<b>Doanh thu thuần</b>												
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	1,210,747	438,317	132,752	(4,749)	5,790	2,177	(1,553)	17,000	-	-	1,347,736	452,745
<i>Giữa các bộ phận</i>	986,249	744,862	287,236	213,667	12,032	15,622	319,312	-	(1,604,829)	(974,150)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,196,996</b>	<b>1,183,179</b>	<b>419,988</b>	<b>208,917</b>	<b>17,822</b>	<b>17,799</b>	<b>317,759</b>	<b>17,000</b>	<b>(1,604,829)</b>	<b>(974,150)</b>	<b>1,347,737</b>	<b>452,745</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>												
Kết quả của bộ phận	142,224	53,270	11,892	11,852	2,541	2,017	8,210	3,132	7,665	(399)	172,532	69,872
Chi phí không phân bổ	50,695	44,987	9,768	8,994	1,903	2,058	737	853	(154)	(807)	62,949	56,085
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	91,529	8,283	2,124	2,858	638	(41)	7,473	2,279	7,819	408	109,583	13,787
<i>Thu nhập tài chính</i>	8,429	3,859	5,078	3,517	1	1	2	0	(3,300)	(1,937)	10,210	5,440
<i>Chi phí tài chính</i>	31,859	(16,260)	(10,100)	8,533	0	(3,266)	146	206	871	(3,661)	22,777	(14,448)
<i>Lợi nhuận khác</i>	76,447	2,058	(1,979)	(2,715)	(287)	(3,188)	(13)	158	(659)	(354)	73,509	(4,041)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	-	-	(847)	(865)	169	(142)	-	-	(679)	(1,006)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34,268	7,380	-	-	68	88	29	-	2,604	106	36,969	7,574
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>110,277</b>	<b>23,081</b>	<b>15,323</b>	<b>(4,873)</b>	<b>(563)</b>	<b>(915)</b>	<b>7,454</b>	<b>2,089</b>	<b>385</b>	<b>1,673</b>	<b>132,877</b>	<b>21,054</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	839	3,917	2,282	(45)	(231)	379	132	115	-	-	3,022	4,367
<b>Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>109,439</b>	<b>19,163</b>	<b>13,041</b>	<b>(4,828)</b>	<b>(332)</b>	<b>(1,294)</b>	<b>7,322</b>	<b>1,974</b>	<b>385</b>	<b>1,673</b>	<b>129,856</b>	<b>16,688</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Các thông tin khác	Đơn vị tính: triệu đồng											
	Bình Dương		Đăk Lăk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015	30/6/2015	01/01/2015
Tài sản của bộ phận	4,191,686	4,120,884	1,050,097	1,054,136	72,850	76,680	275,221	181,307	(1,343,353)	(1,426,383)	4,246,500	4,006,624
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	790	866	-	-	-	-	-	-	2,480	5,084	3,270	5,950
Tài sản không phân bổ												
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4,192,476</b>	<b>4,121,750</b>	<b>1,050,097</b>	<b>1,054,136</b>	<b>72,850</b>	<b>76,680</b>	<b>275,221</b>	<b>181,307</b>	<b>(1,421,300)</b>	<b>(1,421,300)</b>	<b>4,249,770</b>	<b>4,012,574</b>
Nợ phải trả của bộ phận	2,701,059	2,740,611	932,248	954,050	11,346	15,345	199,752	113,123	(977,871)	(1,061,030)	2,866,535	2,570,448
Nợ phải trả không phân bổ												
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2,701,059</b>	<b>2,740,611</b>	<b>932,248</b>	<b>954,050</b>	<b>11,346</b>	<b>15,345</b>	<b>199,752</b>	<b>113,123</b>	<b>(977,871)</b>	<b>(1,061,030)</b>	<b>2,866,535</b>	<b>2,570,448</b>
Chi mua sắm tài sản	57,283	3,821	18,069	20,577	3,560	-	143	-	192	-	79,247	18,391
Chi phí khấu hao	10,328	23,452	5,031	9,880	1,021	1,555	-	-	(60)	149	16,320	35,841



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho thời kỳ tài chính từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc thời kỳ tài chính

- Theo Nghị Quyết ĐHCĐ bất thường 2015 ngày 02/02/2015, thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn trong năm 2015 với số lượng phát hành thêm là 40.026.840 cổ phần, đối tượng phát hành là cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện là 10:4, giá phát hành theo Nghị Quyết HĐQT của HĐQT ngày 26/3/2015 là 10.000 đồng/cp
- Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHDCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012. Theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên 2014 ngày 29/4/2014, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) với số lượng là 4.523.900 cổ phần và tỉ lệ hoán đổi là 1:1.

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### 4. Thông tin so sánh


Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.



Đỗ Ngọc Nam  
Người lập biểu



Đào Ngọc Quyết  
Kế toán trưởng



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
KỸ NGHỆ GỖ  
TRƯỜNG THÀNH  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 8 năm 2015